



## CẬP NHẬT NGÀNH ĐIỆN:

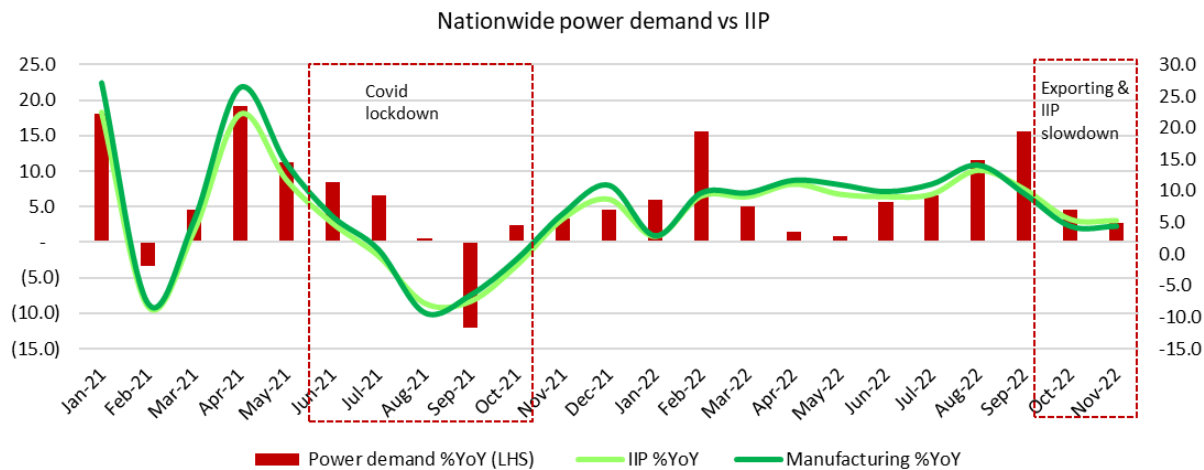
# Chú trọng đến cổ tức hơn mức độ tăng trưởng

- Tăng trưởng tiêu thụ điện suy yếu kể từ tháng 10/2022 do hoạt động xuất khẩu và tăng trưởng Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) chậm lại. Vào tháng 11 năm 2022, tăng trưởng nhu cầu điện giảm tốc xuống 2,4% mặc dù cùng kỳ năm ngoái có mức nền so sánh thấp. Đồng thời, tốc độ tăng trưởng IIP đã giảm tốc xuống còn 5,3~5,5% trong khoảng thời gian từ tháng 10 đến tháng 11 năm 2022 so với mức 10,3% trong tháng 9 năm 2022.
- Tốc độ tăng trưởng nhu cầu điện toàn quốc năm 2023 được dự báo sẽ giảm tốc độ xuống còn 5% dựa trên mức tăng trưởng GDP trong khoảng 6,0%-6,2%. Nhắc lại, dự báo về nhu cầu điện và tăng trưởng GDP năm 2022 của chúng tôi lần lượt là 6,4% và 8,0%.
- Theo NOAA, điều kiện thủy văn có thể duy trì thuận lợi cho đến quý 1 năm 2023 và sau đó trở nên kém thuận lợi hơn kể từ quý 2 năm 2023. Do đó, chúng tôi cho rằng đây là tình hình bất lợi đối với REE khi hơn một nửa LNST của cổ đông công ty mẹ của REE đến từ mảng thủy điện.
- Giá CGM (giá điện trên thị trường phát điện cạnh tranh) kỳ vọng đi ngang vào năm 2023, do nhu cầu nhiệt điện cao hơn sẽ bù đắp cho nhu cầu suy yếu trên toàn quốc.
- **Giá than thế giới duy trì ở mức cao sẽ có lợi cho các nhà máy nhiệt điện than sử dụng than trộn trong nước như QTP (giá mục tiêu 1 năm là 18.400 đồng, tiềm năng tăng giá 42%, khuyến nghị MUA, tỷ suất cổ tức năm 2022 là 13%). Với tình hình kinh doanh hiện tại của EVN, chúng tôi dự báo rằng nhiều khả năng EVNGENCO1 sẽ tăng mức chi trả cổ tức tiền mặt từ QTP. Theo kịch bản này, tỷ suất cổ tức năm 2022 của QTP có thể cao hơn dự báo hiện tại của chúng tôi (13%).**
- **Xu hướng giảm giá khí có thể hỗ trợ cho các nhà máy điện khí như NT2. Ở mức giá thị trường hiện tại, tỷ suất cổ tức năm 2022 của NT2 là 9,6%. Sẽ là tốt hơn nếu NT2 giao dịch ở mức tỷ suất cổ tức hấp dẫn hơn khoảng 13%-15%, cao hơn lãi suất tiền gửi 12 tháng hiện tại trong khoảng 8~10%. Việc NT2 không có các khoản nợ vay là điểm tích cực giúp tránh các rủi ro khi lãi suất cho vay tăng lên và biến động tỷ giá. Đối với ngành điện, cũng như NT2, chúng tôi kỳ vọng nhiều hơn về tỷ suất cổ tức hơn là mức độ tăng trưởng. Chúng tôi đưa ra khuyến nghị TRUNG LẬP cho cổ phiếu NT2, với mức giá mục tiêu là 27.000 đồng (tiềm năng tăng giá 3,4%).**

## Diễn biến chính của ngành điện

- Tăng trưởng tiêu thụ điện đã giảm tốc từ tháng 10/2022, do hoạt động xuất khẩu và Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) chậm lại.**  
Trong suốt tháng 11/2022, tăng trưởng nhu cầu điện giảm tốc xuống mức 2,4% dù cùng kỳ năm ngoái có cơ sở so sánh thấp do vẫn trong thời gian áp dụng biện pháp phong tỏa do covid. Hơn nữa, IIP cho thấy tốc độ tăng trưởng hàng năm chậm hơn đáng kể xuống 5,5% và 5,3% trong khoảng thời gian từ tháng 10 đến tháng 11 năm 2022 so với mức 10,3% vào tháng 9 năm 2022.
- Nhu cầu điện năng toàn quốc trong năm 2023 được dự báo sẽ giảm xuống 5%** với tốc độ tăng trưởng GDP trong khoảng 6,0–6,2%. Nhìn chung, tăng trưởng nhu cầu điện và GDP năm 2022 của theo dự báo của chúng tôi lần lượt là 6,4% và 8,0%.

**Hình 1: Tăng trưởng tiêu thụ điện trên toàn quốc đã giảm tốc từ tháng 10/2022 do hoạt động xuất khẩu & IIP chậm lại**



Nguồn: Tổng cục thống kê, EVN

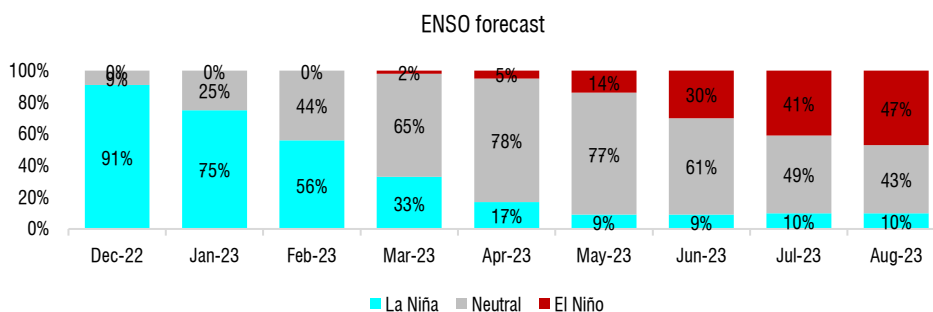
Hình 2: Ước tính nhu cầu điện toàn quốc

	Khối lượng phát điện	So với cùng kỳ (%)	Tỷ trọng (%)	Tổng năng lực phát điện	Hiệu suất hoạt động	Giá định
Đơn vị	(GWh)			(MW)	%	
<b>2022</b>						
<b>Thủy điện</b>	<b>101.060</b>	<b>26%</b>	<b>37%</b>	<b>22.349</b>	<b>52%</b>	Tăng trưởng khả quan do khả năng cao xảy ra La Nina
Nhiệt điện than	102.179	-15%	37%	25.820	45%	Tăng trưởng kém khả quan do giá than tăng lên
Nhiệt điện khí	28.310	8%	10%	8.977	36%	Hưởng lợi từ giá khí giảm
<b>Nhiệt điện</b>	<b>130.488</b>	<b>-11%</b>	<b>48%</b>	<b>34.797</b>	<b>43%</b>	
<b>Điện mặt trời</b>	<b>26.479</b>	<b>-3%</b>	<b>10%</b>	<b>16.428</b>	<b>18,4%</b>	Nhu cầu yếu trên toàn quốc do sản xuất và xuất khẩu suy yếu
Nguồn khác + nhập khẩu	3.246		1%	975	38,0%	
<b>Điện gió</b>	<b>12.073</b>	<b>425%</b>	<b>4%</b>	<b>4.667</b>	<b>30,0%</b>	
<b>Tổng năm 2022</b>	<b>273.347</b>	<b>6,4%</b>		<b>79.216</b>		Tăng trưởng GDP đạt mức 8%, nhưng chỉ số IIP và hoạt động sản xuất giảm tốc trong quý 4 năm 2022
<b>2023</b>						
<b>Thủy điện</b>	<b>92.699</b>	<b>-8%</b>	<b>32%</b>	<b>22.681</b>	<b>47%</b>	Theo NOAA, nhiều khả năng điều kiện thủy văn sẽ trở nên kém thuận lợi hơn
Nhiệt điện than	116.624	14%	41%	28.452	48%	Tăng trưởng khả quan nhờ xác suất xảy ra El Nino cao
Nhiệt điện khí	33.815	19%	12%	8.977	43%	Tăng trưởng khả quan nhờ xác suất xảy ra El Nino cao
<b>Nhiệt điện</b>	<b>150.439</b>	<b>15%</b>	<b>52%</b>	<b>37.429</b>	<b>46%</b>	
<b>Điện mặt trời</b>	<b>27.343</b>	<b>3%</b>	<b>10%</b>	<b>16.428</b>	<b>19%</b>	
Nguồn khác + nhập khẩu	3.246	0%	1%	975	38%	
<b>Điện gió và năng lượng tái tạo khác</b>	<b>13.370</b>	<b>11%</b>	<b>5%</b>	<b>7.124</b>	<b>29%</b>	
<b>Tổng năm 2023</b>	<b>287.096</b>	<b>5,0%</b>		<b>84.636</b>		Tăng trưởng GDP năm 2023 đạt 6~6,2% so với 8% vào năm 2022

Nguồn: EVN, SSI Research

3. Theo NOAA, điều kiện thủy văn có thể duy trì tích cực đến quý 1/2023 và có thể trở nên kém thuận lợi hơn trong nửa cuối năm 2023. Chúng tôi cũng đã quan sát thấy mực nước của hồ chứa thủy điện giảm nhẹ so với tháng trước cũng như so với cùng kỳ kể từ tháng 10/2022. Năm 2023, chúng tôi giả định xác suất xảy ra các điều kiện thủy văn kém thuận lợi hơn sẽ cao hơn, với sản lượng điện từ nhà máy thủy điện chứng kiến mức tăng trưởng âm 8% so với cùng kỳ. **Chúng tôi cho rằng điều này có thể tác động không tích cực đến KQKD của REE khi hơn một nửa LNST của REE có thể đến từ mảng thủy điện.**

Hình.3: Tình hình thủy văn có thể trở nên kém thuận lợi hơn kể từ nửa cuối năm 2023 theo dự đoán của NOAA



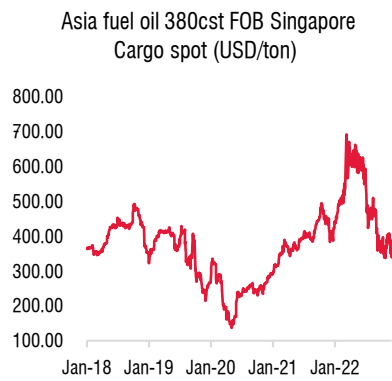
Nguồn: NOAA, dự báo tại thời điểm 18/11/2022

Hình 4: Các hồ chứa thủy điện của Việt Nam có mực nước giảm nhẹ so với tháng trước và so với cùng kỳ

Month	Changes in Reservoir's water level - MoM (m)	Bản Chất	Huỷi Quãng	Lai Châu	Sơn La	Hòa Bình	Thác Bà	Tuyên Quang	Hòa Na	Bản Vẽ	A Lưới	Sông Bung 4	Sông A Vương	Vinh Sơn B	Vinh Sơn C	Trà Xom	Vinh Sơn A	Sông Hồng	VS-SH	Sông Ba Hỷ	Pleikông Ialy	Thượng Kontum	SêSan4	Kanak	Sê San 3A	Sê San 3B	An Khê	Sê San 4A	Buôn Tua Srah	Buôn Kuốp	Srepek 3	Đông Nai 3	Đông Nai 4	Hàm Thuận	Đại Ninh	Đom Đương	Trị An	Thác Mơ
11 2022	0.68 (0.14)	(1.57)	(0.89)	(0.58)	(0.11)	3.24	0.68	0.77	(0.85)	0.33	(0.52)	(0.20)	(0.15)	3.23	(0.17)	1.51	0.98	0.43	(0.94)	(2.15)	2.93	(0.21)	1.37	(0.38)	(0.22)	(0.32)	(1.98)	(0.31)	(0.36)	0.11	2.65	0.04	3.24	1.73	1.13	(1.01)	0.07	
10 2022	2.58 (0.05)	1.69	8.54	7.29	1.14	5.52	3.23	9.48	2.70	6.41	12.98	2.63	3.28	6.64	1.77	0.33	8.01	0.08	10.96	4.82	4.76	0.03	3.44	0.18	0.07	0.01	0.39	1.69	(0.27)	0.35	4.87	(0.09)	5.40	5.32	(0.37)	2.83	1.55	
9 2022	0.52	0.41	9.03	7.93	8.29	2.14	8.04	6.53	11.32	(1.05)	(0.35)	(1.63)	0.74	2.08	(1.06)	(0.29)	(0.24)	2.28	(0.90)	7.81	7.48	1.01	0.06	5.55	0.10	0.04	0.18	0.65	7.14	0.00	(0.09)	2.09	15.27	1.20	1.25	0.46	0.91	2.20
8 2022	(15.05)	(0.00)	(6.36)	(1.87)	(4.30)	1.49	(2.26)	3.14	5.88	(0.51)	(2.95)	(4.25)	1.09	1.25	(0.00)	0.17	(0.71)	1.79	1.19	6.07	0.51	(0.19)	1.80	(0.22)	0.32	0.01	0.37	0.57	5.69	0.88	(0.84)	0.47	15.28	6.40	(0.58)	0.81	2.85	5.03
7 2022	3.62	(0.40)	(6.18)	(3.72)	(2.90)	0.85	(5.38)	(5.64)	(3.59)	1.33	(3.28)	(2.84)	2.58	(3.49)	(0.01)	0.12	(1.57)	(2.20)	2.00	1.19	(1.72)	0.02	0.11	0.28	0.21	0.11	0.28	0.21	0.11	0.28	0.21	0.11	0.28	0.21	0.11	0.28	0.21	0.11
6 2022	8.39	0.17	11.33	(4.43)	1.33	2.10	(0.70)	1.78	(0.80)	(0.81)	(0.82)	(1.23)	(1.20)	(0.44)	(2.18)	0.66	(0.11)	(1.08)	(3.62)	(19.7)	3.85	0.69	(0.22)	(0.32)	(0.23)	6.87	(0.37)	0.20	2.20	(0.19)	0.80	(0.07)	0.13	2.26	(0.16)	6.96	(2.74)	(1.15)
5 2022	(4.18)	0.33	(2.60)	(3.25)	(1.05)	(0.41)	(0.85)	0.38	(8.18)	(0.67)	1.05	(2.15)	(1.97)	(0.25)	(1.99)	(0.81)	(0.01)	(3.04)	0.21	(6.76)	2.85	(1.05)	(2.39)	0.12	(6.86)	0.31	0.18	(5.09)	1.40	0.90	(1.00)	0.17	(2.71)	(0.87)	(2.35)	(3.94)	(2.17)	
4 2022	(4.30)	(0.10)	(5.65)	(0.56)	(0.71)	(1.46)	(6.72)	(4.58)	(5.63)	1.11	(1.76)	0.48	(1.63)	(0.45)	(1.89)	(0.12)	0.25	(1.95)	(0.42)	(0.96)	(6.56)	(2.92)	0.38	(3.15)	(1.14)	(0.03)	0.04	(0.66)	(4.68)	(0.36)	(1.22)	(0.05)	(5.45)	(3.14)	(3.75)	(1.01)	(3.95)	
3 2022	(3.75)	0.26	(2.71)	(2.17)	1.61	(1.13)	(1.22)	(2.83)	(2.19)	(0.09)	(2.21)	(3.60)	(1.17)	(1.12)	(2.63)	(0.42)	(0.47)	(3.18)	(0.43)	(1.12)	6.64	(3.16)	(3.34)	(3.39)	0.09	0.04	(0.19)	0.42	(4.79)	(0.30)	(0.24)	(3.04)	0.03	(5.53)	(3.53)	(4.05)	(0.52)	(1.94)
2 2022	(0.77)	(0.43)	(1.22)	(1.23)	(2.95)	0.70	0.53	(3.63)	(2.51)	(1.28)	(0.24)	(1.86)	(0.67)	(0.64)	(1.97)	(0.78)	(0.01)	(2.10)	(2.27)	(0.50)	(2.45)	#DIV/0!	(1.88)	(1.07)	(0.23)	(0.03)	(0.29)	0.51	(2.39)	(0.46)	(0.25)	(2.06)	(0.10)	(3.87)	(1.94)	(2.70)	(0.09)	(2.10)
1 2022	0.13	0.37	(0.08)	(0.24)	(4.41)	(3.32)	(3.25)	(1.14)	(1.84)	(0.74)	(0.06)	0.41	(0.66)	(0.51)	0.21	(0.24)	(0.01)	(1.43)	(0.15)	(0.02)	(1.64)	#DIV/0!	(0.27)	(0.05)	(0.18)	(0.08)	(0.33)	(0.02)	(1.12)	(0.55)	(0.19)	(0.50)	(0.12)	(0.71)	(1.29)	(0.55)	(0.14)	(1.08)

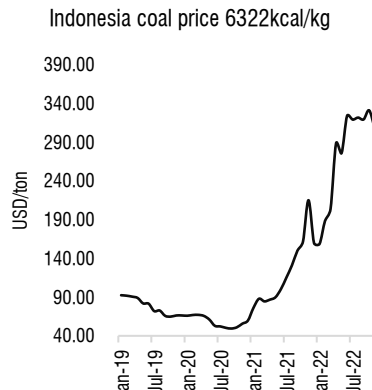
Nguồn: SSI tổng hợp

Hình 5: Giá FO tiếp tục xu hướng giảm

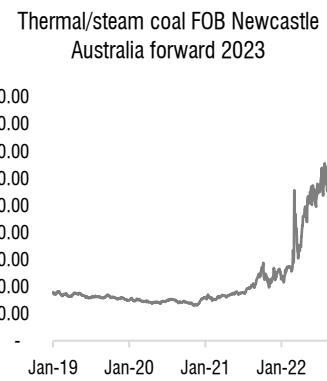


Nguồn: Bloomberg

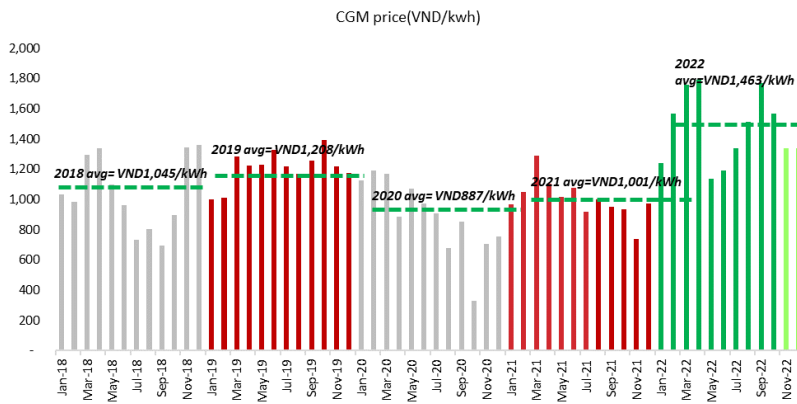
Hình 6: Giá than từ Indonesia giảm 7% so với tháng trước nhưng vẫn ở mức cao



Hình 7: Giá than Úc đã tăng lên sau thời gian giảm



## Hình 8: Giá CGM

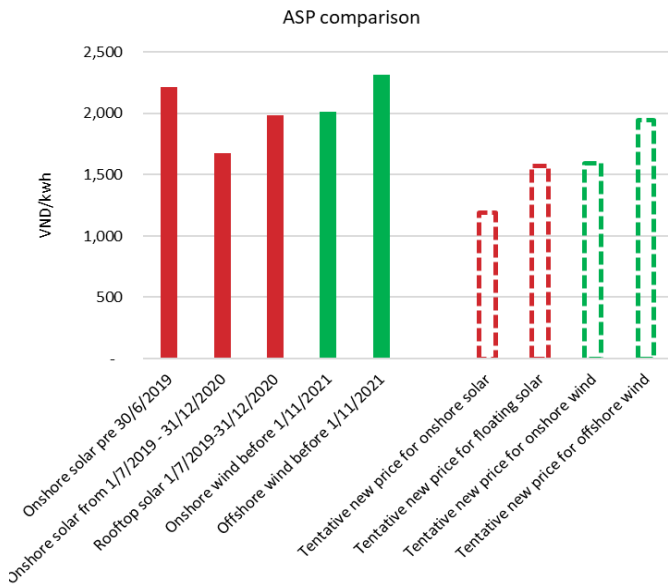


Nguồn: Genco3, SSI tổng hợp

- Giá CGM dự kiến sẽ không thay đổi vào năm 2023 do nhu cầu nhiệt điện cao hơn sẽ bù đắp cho nhu cầu suy yếu trên toàn quốc.** Nhìn chung, giá CGM trong 10 tháng đầu năm 2022 trung bình ở mức 1.487 đồng/kWh (tăng 44% so với cùng kỳ). Với sự suy giảm trong hoạt động xuất khẩu, lĩnh vực sản xuất cũng như IIP kể từ ngày tháng 10/2022, chúng tôi dự đoán giá CGM sẽ giảm 14% so với tháng trước xuống mức trung bình là 1.341 đồng/kWh trong khoảng thời gian từ tháng 11 đến tháng 12 năm 2022. Nhìn chung, giá CGM năm 2022 được dự báo ở mức 1.463 đồng/kWh (tăng 46% so với cùng kỳ). Năm 2023, chúng tôi kỳ vọng giá CGM sẽ đi ngang (giữ ở mức 1.463 đồng/kWh) do nhu cầu nhiệt điện cao hơn, điều này có thể bù đắp một phần cho tốc độ tăng trưởng tiêu thụ điện giảm tốc trên toàn quốc.
- Giá than toàn cầu vẫn ở mức cao có thể có lợi cho các nhà máy nhiệt điện than trong nước sử dụng than trộn, chẳng hạn như QTP (giá mục tiêu 1 năm là 18.400 đồng, tiềm năng tăng giá là 42%, khuyến nghị MUA, tỷ suất cổ tức năm 2022 là 13%).** Tổng sản lượng tiêu thụ của QTP trong quý 3 năm 2022 tăng 10% so với cùng kỳ năm ngoái, vượt trội so với các công ty nhiệt điện than khác. Từ tháng 7 đến tháng 8 năm 2022, sản lượng tiêu thụ trên toàn quốc từ các nhà máy nhiệt điện than giảm 14% so với cùng kỳ. **Sự vượt trội này có thể là do chênh lệch giữa giá than hỗn hợp và than nhập khẩu.** Trong quý 3 năm 2022, giá than nhiệt của Indonesia tăng 1,5 lần so với cùng kỳ lên mức trung bình 7,5 triệu đồng/tấn, cao hơn giá than đầu vào của QTP là 1,4 triệu đồng/tấn (tăng 50% so với cùng kỳ). Hiện tại, tỷ suất cổ tức năm 2022 của QTP là 13%. **Với tình hình kinh doanh hiện tại của EVN, chúng tôi kỳ vọng EVNGENCO1 (công ty mẹ của QTP) sẽ có động lực thúc đẩy QTP tăng mức chi trả cổ tức bằng tiền mặt. Theo kịch bản này, tỷ suất cổ tức năm 2022 của QTP có thể cao hơn dự báo.**
- Giá khí giảm có thể hỗ trợ cho các nhà máy điện khí như NT2.** Đến ngày 30/11/2022, giá dầu FO (đại diện cho giá khí của NT2) giảm 50% so với mức đỉnh gần đây. Trong khoảng thời gian từ tháng 10 đến tháng 11 năm 2022, giá dầu FO trung bình giảm 19% so với cùng kỳ. Do điều kiện thủy văn được dự báo kém thuận lợi hơn vào năm 2023, sản lượng tiêu thụ năm 2023 của NT2 ước tính tăng 8% so với cùng kỳ, tương ứng với hiệu suất sử dụng 65%. Hiệu suất sử dụng năm 2023 tương đương với năm 2017 khi công ty thực hiện đợt đại tu. Ở mức giá hiện tại trên thị trường, tỷ suất cổ tức năm 2022 của NT2 là 9,6%. Việc NT2 không có các khoản nợ vay sẽ giúp công ty tránh được rủi ro lãi suất cho vay tăng lên và VND yếu đi. Đối với ngành điện (và NT2), chúng tôi kỳ vọng nhà đầu tư sẽ quan tâm đến tỷ suất cổ tức hơn là mức độ tăng trưởng. Chúng tôi đưa ra khuyến nghị TRUNG LẬP cho cổ phiếu NT2, với mức giá mục tiêu là 27.000 đồng (tiềm năng tăng giá 3,4%).

7. Chúng tôi nhận thấy những rủi ro đối với các dự án năng lượng tái tạo (NLTT) hiện tại do sự cạnh tranh từ các dự án NLTT mới triển khai trong thời gian sắp tới có giá bán thấp hơn. Đặc biệt xét đến nhu cầu suy yếu trên toàn quốc, EVN có thể giảm hiệu suất sử dụng đối với các nguồn năng lượng có chi phí cao (trong đó có thể gồm có các dự án NLTT cũ có giá bán cao).

Hình 9: Giá dự kiến cho các dự án NLTT mới thấp hơn nhiều so với các dự án hiện tại



Nguồn: EVN

#Tỷ giá USD/VND thời điểm ngày 01 tháng 12 năm 2022 là 23.662 VND

## 8. Rủi ro giảm giá đối với khuyến nghị của chúng tôi

- Năm 2022, EVN ghi nhận tình hình kinh doanh không khả quan do giá nhiên liệu leo thang. Rủi ro ảnh hưởng đến các khoản công nợ & thời gian thanh toán lỗ chênh lệch tỷ giá đã phát sinh sẽ có độ trễ và qua đó có thể ảnh hưởng đến tình hình kinh doanh của các công ty phát điện.
- Năm 2023, chúng tôi dự báo: (1) điều kiện thủy văn xấu đi; (2) nhu cầu nhiệt điện tăng trong khi giá than & giá khí vẫn duy trì ở mức cao mặc dù đã giảm so với cùng kỳ; và (3) lãi suất cho vay tăng lên. Những yếu tố này sẽ tạo gánh nặng lên EVN và sẽ là một tác động tiêu cực gián tiếp đối với các nhà máy điện.
- Nếu xảy ra cuộc suy thoái nghiêm trọng hơn, nhu cầu tiêu thụ điện có thể bị ảnh hưởng tiêu cực.**
- Những thay đổi bất ngờ về điều kiện thủy văn cũng có thể ảnh hưởng đến giá định của chúng tôi.** Tính đến hết năm 2022, La Nina đã kéo dài khoảng 30 tháng – tương đương với các chu kỳ đã xảy ra trong giai đoạn 1950-2019. Tuy nhiên không ngoại trừ khả năng La Nina có khả năng diễn ra dài hơn như đã từng xảy ra kéo dài kỷ lục 42 tháng từ tháng 7/1998 đến tháng 12/2001

## 9. Yếu tố hỗ trợ tăng giá

Với những thách thức mà EVN phải đối mặt nêu trên, chúng tôi cho rằng giá bán lẻ điện có thể tăng trong thời gian tới. Qua đó áp lực ảnh hưởng đến các công ty phát điện có thể giảm đi phần nào.

## CAM KẾT PHÂN TÍCH

Chuyên viên phân tích trong báo cáo này cam kết rằng (1) quan điểm thể hiện trong báo cáo phân tích này phản ánh chính xác quan điểm cá nhân đối với chứng khoán và/hoặc tổ chức phát hành và (2) chuyên viên phân tích đã/ đang/sẽ được miễn trách nhiệm bồi thường trực tiếp hoặc gián tiếp liên quan đến khuyến nghị cụ thể hoặc quan điểm trong báo cáo phân tích này.

## KHUYẾN NGHỊ

**Mua:** Ước tính tiềm năng tăng giá lớn hơn hoặc bằng 10 điểm phần trăm so với mức tăng chung của thị trường trong 12 tháng tới.

**Khả quan:** Ước tính tiềm năng tăng giá dưới 10 điểm phần trăm so với mức tăng chung của thị trường trong 12 tháng tới.

**Trung lập:** Ước tính tiềm năng tăng giá tương đương so với mức tăng chung của thị trường trong 12 tháng tới.

**Kém khả quan:** Ước tính tiềm năng giảm giá dưới 10 điểm phần trăm so với mức tăng chung của thị trường trong 12 tháng tới.

**Bán:** Ước tính tiềm năng giảm giá lớn hơn hoặc bằng 10 điểm phần trăm so với mức tăng chung của thị trường trong 12 tháng tới.

## TUYÊN BỐ MIỄN TRỪ

Các thông tin, tuyên bố, dự báo và dự đoán trong báo cáo này, bao gồm cả các ý kiến đã thể hiện, được dựa trên các nguồn thông tin mà SSI cho là đáng tin cậy, tuy nhiên SSI không đảm bảo sự chính xác và đầy đủ của các thông tin này. Báo cáo không có bất kỳ thông tin nhạy cảm về giá chưa công bố nào. Các ý kiến thể hiện trong báo cáo này được đưa ra sau khi đã được xem xét kỹ càng và cẩn thận và dựa trên thông tin tốt nhất chúng tôi được biết, và theo ý kiến cá nhân của chúng tôi là hợp lý trong các trường hợp tại thời điểm đưa ra báo cáo. Các ý kiến thể hiện trong báo cáo này có thể thay đổi bất kỳ lúc nào mà không cần thông báo. Báo cáo này không và không nên được giải thích như một lời đề nghị hay lời kéo để đề nghị mua hay bán bất cứ chứng khoán nào. SSI và các công ty con và/ hoặc các chuyên viên, giám đốc, nhân viên của SSI và công ty con có thể có vị thế hoặc có thể ảnh hưởng đến giao dịch chứng khoán của các công ty được đề cập trong báo cáo này và có thể cung cấp dịch vụ hoặc tìm kiếm để cung cấp dịch vụ ngân hàng đầu tư cho các công ty đó.

Tài liệu này chỉ được lưu hành nội bộ và không được công bố công khai trên báo chí hay bất kỳ phương tiện nào khác. SSI không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ thiệt hại trực tiếp hay thiệt hại do hậu quả phát sinh từ việc sử dụng báo cáo này hay nội dung báo cáo này. Việc sử dụng bất kỳ thông tin, tuyên bố, dự báo, và dự đoán nào trong báo cáo này sẽ do người dùng tự quyết định và tự chịu rủi ro.

## THÔNG TIN LIÊN HỆ

### Trung tâm phân tích và tư vấn đầu tư

#### Hoàng Việt Phương

Giám đốc Trung Tâm phân tích và tư vấn đầu tư  
phuonghv@ssi.com.vn  
SĐT: (+84 – 24) 3936 6321 ext. 8729

### Vĩ mô

#### Phạm Lưu Hưng

Phó Giám đốc  
hungpl@ssi.com.vn  
SĐT: (+84 – 24) 3936 6321 ext. 8711

#### Thái Thị Việt Trinh

Chuyên viên phân tích Vĩ mô  
trinhttv@ssi.com.vn  
SĐT: (+84 – 24) 3936 6321 ext. 8720

### Phân tích Định lượng

#### Đỗ Nam Tùng

Chuyên viên cao cấp Phân tích Định lượng  
tungdn@ssi.com.vn  
SĐT: (+84 – 24) 3936 6321 ext. 8709

### Phân tích cổ phiếu KHCN

#### Ngô Thị Kim Thanh

Chuyên viên phân tích cao cấp  
thanhtk@ssi.com.vn  
SĐT: (+84 – 28) 3636 3688 ext. 3053

#### Lê Huyền Trang

Chuyên viên phân tích cao cấp  
tranglh@ssi.com.vn  
SĐT: (+84 – 24) 3936 6321 ext. 8717

### Phân tích Ngành Điện

#### Thái Gia Hào

Chuyên viên phân tích cao cấp  
haotg@ssi.com.vn  
SĐT: (+84 – 28) 3636 3688 ext. 3055

### Chiến lược thị trường

#### Nguyễn Lý Thu Nga

Chuyên viên phân tích cao cấp  
nganlt@ssi.com.vn  
SĐT: (+84 – 28) 3636 3688 ext. 3051

#### Nguyễn Trọng Đình Tâm

Chuyên viên phân tích cao cấp  
tamntd@ssi.com.vn  
SĐT: (+84 – 24) 3936 6321 ext. 8713

### Dữ liệu

#### Nguyễn Thị Kim Tân

Chuyên viên hỗ trợ  
tanntk@ssi.com.vn  
Tel: (+84 – 24) 3936 6321 ext. 8715